TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** TỈNH BÌNH THUẬN ------- -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -------- ---------

Bản án số: 32/2019/DS-ST
Ngày: 05/11/2019.
V/v : "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L - TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trịnh Văn Thái**

2. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Võ Chí Công** - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1950. Có mặt.
Địa chỉ: Khu phố 1, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Võ Đăng D – sinh năm 1986. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn Phước Thọ, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Chị Phan Thị Hoàng O - sinh năm 1980. Vắng mặt không lý do.
Địa chỉ: Khu phố 8, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Anh T – sinh năm 1974. Vắng mặt không lý do.
Địa chỉ: Khu phố 8, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16.4.2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà M và chị Phan Thị Hoàng O là hàng xóm với nhau. Ngày 15.11.2018 vì thiếu tiền làm ăn nên chị O có qua gặp bà M để vay số tiền 40.000.000 đồng. Sau khi vay, chị O có viết giấy nhận nợ và hứa khi nào bà M cần thì sẽ trả lại số tiền trên. Khi vay tiền hai bên có thỏa thuận tiền lãi là 1.200.000 đồng/tháng. Chị O đã trả tiền lãi cho bà M cụ thể:

Tháng đầu tiên, ngày 15.12.2018, chị O trả cho bà M 1.200.000 đồng tiền lãi.

Tháng thứ hai, ngày 15.01.2019, chị O trả 1.000.000 đồng tiền lãi và xin giảm bớt 200.000 đồng.

Tháng thứ ba, ngày 15.02.2019, chị O xin giảm bớt và trả 500.000 đồng tiền lãi và hứa sẽ trả hết tiền gốc, bà M đồng ý nhận.

Ngày 15.3.2019, lúc này chị O không muốn trả tiền lãi nữa nên có qua gặp bà M để xin trả tiền gốc là 100.000 đồng/ngày cho đến khi trả hết tiền gốc và lãi. Chị O trả được 17 ngày là 1.700.000 đồng.

Bà M có gặp chị O để yêu cầu chị O trả tiền, nhưng chị O không có thiện chí trả nợ tiếp. Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phan Thị Hoàng O phải trả cho bà M số tiền 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đối với số tiền bị đơn trả dần vào tiền nợ gốc là 1.700.000 đồng thì bà M đồng ý trừ vào nợ gốc.

Bị đơn: Chị Phan Thị Hoàng O trình bày:

Chị O thừa nhận có mượn của bà Nguyễn Thị M số tiền 40.000.000 đồng cách đây 03 năm, tiền lãi mỗi tháng là 1.200.000 đồng, chị O trực tiếp giao dịch với bà M, có viết giấy tờ và do bà M giữ, chị O có hứa khi nào có tiền sẽ trả. Chị O khai sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà M số tiền 40.000.000 đồng, nhưng xin trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng. Số tiền nợ này là nợ riêng của chị O, không liên quan đến nợ chung của vợ chồng chị.

Tại phiên tòa, chị O vắng mặt không lý do.

Quá trình giải quyết Tòa án có triệu tập anh Nguyễn Anh T – chồng chị O, nhưng anh T không chấp hành. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về thời hạn thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử là đúng theo quy định của pháp luật, theo chứng cứ là giấy hợp đồng vay tiền ngày 15.11.2018 do nguyên đơn nộp và quá trình giải quyết bị đơn – chị O có thừa nhận nợ nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn thừa nhận có nhận số tiền 1.700.000 đồng của bị đơn trả dần vào nợ gốc, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với phía bị đơn khi

vay tiền dùng vào việc chuyển đất thổ cư để xây nhà ở thì phải buộc anh Nguyễn Anh T cùng liên đới trả nợ với chị O. Vì vậy, buộc chị O và anh T phải trả số tiền 38.300.000 đồng cho bà M là phù hợp. Về án phí: Chị O và anh T phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 40.000.000 đồng là tranh chấp dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Oanh và anh Tuấn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 40.000.000 đồng theo giấy hợp đồng vay tiền lập ngày 15.11.2018. Như vậy, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét yêu cầu của phía nguyên đơn thấy rằng, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là tờ giấy hợp đồng vay tiền lập ngày 15.11.2018, thể hiện: Chị Phan Thị Hoàng O có vay tiền của bà Nguyễn Thị M số tiền 40.000.000 đồng, trong giấy không thể hiện tiền lãi suất, nhưng hai bên đương sự đều thừa nhận tiền lãi mỗi tháng là 1.200.000 đồng và bị đơn hứa khi nào có tiền sẽ trả nợ cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết, bị đơn thừa nhận có mượn tiền của nguyên đơn 40.000.000 đồng và sẽ có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn, nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Theo nguyên đơn khai bị đơn có trả tiền lãi tổng cộng là 2.700.000 đồng và tiền gốc trả góp hàng ngày, trả được 17 ngày là 1.700.000 đồng. Như vậy, tiền nợ gốc chỉ còn 38.300.000 đồng. Tại phiên tòa, chị O và anh T đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần hàng tháng. Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lại lãi suất đối với số tiền lãi đã nhận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận. Xét lời khai của bị đơn: Khi chị O vay tiền bà M thì chỉ có một mình chị trực tiếp giao dịch với bà M, là nợ riêng của chị O, không liên quan đến nợ chung của vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Số tiền mà chị O vay bà M theo chị O khai là để chuyển đất thổ cư để xây nhà ở và khoản nợ này là trong thời kỳ hôn nhân của chị O và anh Nguyễn Anh T – chồng chị O, nên buộc chị O và anh T phải liên đới trả số tiền 38.300.000 đồng cho bà Nguyễn Thị M là phù hợp.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phan Thị Hoàng O và anh Nguyễn Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466 Bộ Luật dân sự 2015;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc chị Phan Thị Hoàng O và anh Nguyễn Anh T phải cùng liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 38.300.000 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng).

2. Án phí:

Chị Phan Thị Hoàng O và anh Nguyễn Anh T phải chịu 1.915.000 đồng (Một triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05.11.2019). Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.L;
- Chi cục THADS.tx.L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.